



Original Article

Efficiency of Agricultural Production Land Use after the Land Consolidation in Cam Khe District, Phu Tho Province

Hoang Thi Huong*, Nguyen Thi Lan Huong

VNU University of Economics and Business, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 27 September 2020

Revised 02 March 2021; Accepted 06 March 2021

Abstract: This study was conducted in Cam Khe district, Phu Tho province to evaluate the efficiency of land use for agricultural production after land consolidation. The results show that after the consolidation, the average plot increased from 304m² to 1,133 m² in size, the number of plots decreased from 5.8 to 1.5 per plot per household, and socio-economic efficiency increased significantly for land users. Most of the interviewees responded that they appreciated the policy on land consolidation and mentioned that thanks to land consolidation, transport infrastructure and irrigation were planned, expanded and upgraded, which greatly facilitated mechanical application, labor reduction, and even the saving of some inputs in the production process. However, the certification of land use rights is time consuming. The number of communes in Cam Khe district implementing land consolidation is small and agricultural production related risks are challenges for some households.

Keywords: Land consolidation, agricultural production land, land use efficiency, Cam Khe district.

* Corresponding author.

E-mail address: huong.ht@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4487>

Hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa tại huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

Hoàng Thị Hương*, Nguyễn Thị Lan Hương

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 27 tháng 9 năm 2020

Chỉnh sửa ngày 02 tháng 3 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 06 tháng 3 năm 2021

Tóm tắt: Nghiên cứu được thực hiện tại huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp (SXNN) sau dồn điền đổi thửa (DĐĐT). Kết quả cho thấy sau DĐĐT đã tăng quy mô diện tích thửa bình quân từ 304m² lên 1.133m² và giảm số thửa từ 5,8 thửa xuống còn 1,5 thửa/hộ. Hiệu quả kinh tế - xã hội gia tăng đáng kể cho người sử dụng đất. Đa số người dân được phỏng vấn đều đồng ý với chính sách và cho rằng sau DĐĐT, hạ tầng giao thông, thủy lợi nội đồng được quy hoạch, mở rộng và làm mới thuận tiện cho việc áp dụng cơ giới, giảm công lao động, tiết kiệm một số yếu tố đầu vào của người dân trong quá trình sản xuất. Tuy nhiên, công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vẫn còn chậm tiến độ, số xã tại huyện Cẩm Khê thực hiện DĐĐT quá ít và rủi ro trong SXNN vẫn đang là thách thức đối với một số hộ gia đình.

Từ khóa: Dồn điền đổi thửa, đất sản xuất nông nghiệp, hiệu quả sử dụng đất, huyện Cẩm Khê.

1. Đặt vấn đề

Chính phủ (1993) đã ban hành Nghị định số 64/NĐ-CP ngày 27/9/1993 quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp [1]. Tuy nhiên, thực tế việc chia ruộng đất cho hộ dân - thực hiện theo phương châm công bằng xã hội, ruộng tốt, xấu, vị trí xa, gần... được chia đều tính trên nhân khẩu nông nghiệp đã dẫn đến tình trạng ruộng đất bị phân tán, manh mún,... Thực trạng này tồn tại trong một thời gian dài và trở thành rào cản đối với sự phát triển nền nông nghiệp trong thời kỳ đổi mới.

Để khắc phục tình trạng manh mún ruộng đất, DĐĐT (đổi ruộng đất từ thửa nhỏ thành thửa lớn) là việc làm rất cần thiết nhằm tạo điều kiện cho các hộ nông dân sử dụng đất đai một cách ổn định và hiệu quả, đồng thời góp phần nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về đất đai. Đối với Phú Thọ, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị

quyết số 08-NQ/TU ngày 15/4/2016 về công tác dồn đổi, tích tụ và tập trung đất đai phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 [2]. Tiếp đó, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 6118/KH-UBND ngày 30/12/2016 về việc thực hiện dồn đổi, tích tụ và tập trung đất đai phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 [3]. Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Hướng dẫn số 2044/HD-TNMT ngày 12/10/2017 về trình tự, nội dung thực hiện công tác dồn đổi ruộng đất, tích tụ, tập trung đất đai [4]. Thực hiện các chủ trương trên, năm 2018, huyện Cẩm Khê đã xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch dồn đổi tích tụ, tập trung đất nông nghiệp các xã trên địa bàn huyện.

Cẩm Khê có 18.243,55 ha đất nông nghiệp, chiếm tỷ lệ 77,78% trong tổng số 23.392,38 ha đất tự nhiên của huyện [5]. Trước DĐĐT, bình quân mỗi hộ gia đình có 5,8 thửa và diện tích bình quân là 304m²/thửa. Do diện tích các thửa đất nhỏ lẻ, nhiều đường bờ thửa,... làm cản trở cho việc đưa cơ giới hóa và tiến bộ khoa học kỹ thuật vào SXNN, hạn chế đầu tư thâm

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: huong.ht@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4487>

canh, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, tăng chi phí của nhiều yếu tố đầu vào,... Từ thực tế đó, bắt đầu từ năm 2018, Cẩm Khê thực hiện DĐĐT và đến hết năm 2018, toàn huyện đã DĐĐT được 4 xã (Phùng Xá, Phương Xá, Đồng Cam, Tình Cương).

Xuất phát từ tình hình nêu trên, nghiên cứu này được thực hiện nhằm làm rõ hiệu quả của việc dồn những thửa ruộng nhỏ lẻ thành những thửa lớn hơn tại 4 xã của huyện Cẩm Khê, trên cơ sở đó đưa ra các đề xuất nhằm góp phần hoàn thiện công tác quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng đất SXNN, cũng như đưa ra kinh nghiệm DĐĐT cho các xã còn lại của huyện thời gian tới.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Chọn điểm nghiên cứu

Điểm nghiên cứu được chọn là 4 xã đã hoàn thành công tác DĐĐT gồm Phùng Xá, Phương Xá, Đồng Cam, Tình Cương thuộc huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

2.2. Phương pháp thu thập số liệu, xử lý và phân tích số liệu

2.2.1. Phương pháp thu thập số liệu

- Thu thập số liệu thứ cấp: Thu thập tài liệu từ các cơ quan liên quan như: UBND huyện Cẩm Khê, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, UBND 4 xã nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, thực trạng sử dụng đất, các thông tin trực tiếp và gián tiếp liên quan đến công tác DĐĐT.

- Thu thập số liệu sơ cấp: Để điều tra về tình hình sử dụng đất nông nghiệp với các hộ gia đình đang sử dụng đất nông nghiệp sau DĐĐT, nghiên cứu tiến hành điều tra theo phương pháp điều tra nhanh nông thôn [6] đối với 200 hộ được lựa chọn ngẫu nhiên từ 4 xã. Tiêu chí lựa chọn là các hộ đã canh tác có diện tích đất sản xuất nông nghiệp từ 5 sào (1.800m²) trở lên. Phiếu điều tra được thiết kế dựa trên mẫu

phiếu trong TCVN 8409:2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ [7], có chỉnh sửa bổ sung một số tiêu chí liên quan đến thực tế tại địa phương.

Ngoài ra, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn sâu với lãnh đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, cán bộ phụ trách công tác DĐĐT của huyện, lãnh đạo và cán bộ địa chính xã nhằm thu thập ý kiến đánh giá về thực trạng công tác DĐĐT.

2.2.2. Phương pháp xử lý và phân tích số liệu

Thông tin số liệu được xử lý thông qua các phần mềm tin học Excel. Phân tích số liệu chủ yếu thông qua việc sử dụng phương pháp thống kê mô tả và thống kê so sánh.

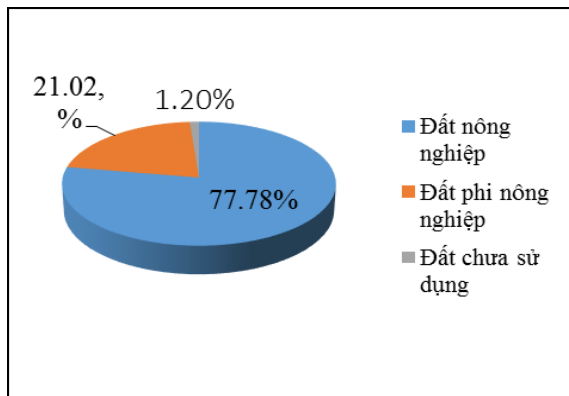
2.3. Một số chỉ tiêu đo lường hiệu quả kinh tế, xã hội trong sử dụng đất nông nghiệp

Để đo lường hiệu quả kinh tế sử dụng đất SXNN, nghiên cứu sử dụng bộ chỉ tiêu: i) Giá trị sản xuất (GTSX): $GTSX = \text{Sản lượng sản phẩm} \times \text{Giá bán}$; ii) Chi phí trung gian (CPTG): $CPTG = \text{Chi phí vật chất} + \text{dịch vụ}$; và iii) Giá trị gia tăng (GTGT): $GTGT = GTSX - CPTG$ [6]. Các chỉ tiêu đo lường hiệu quả xã hội chủ yếu là các chỉ tiêu đo lường hiệu quả xã hội chủ yếu là: i) Tính số công lao động gia đình/ha/năm; ii) Giá trị ngày công (GTNC): $GTNC = GTGT/CLĐ$ (CLĐ là công lao động gia đình); iii) Đảm bảo tăng thu nhập cho người lao động; và iv) Khả năng tiêu thụ sản phẩm theo ý kiến đánh giá của người dân.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Tình hình sử dụng đất huyện Cẩm Khê

Tính đến hết năm 2019, tổng diện tích đất tự nhiên của huyện Cẩm Khê là 23.392,38 ha, trong đó đất nông nghiệp là 18.194,58 ha (77,78%), đất phi nông nghiệp 4.917,63 ha (21,02%), đất chưa sử dụng là 280,17 ha (1,2%). Như vậy, trên địa bàn huyện, nhóm đất nông nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ lớn nhất (77,78%), đất chưa sử dụng chiếm tỷ lệ nhỏ nhất (1,2%). Với diện tích đất chưa sử dụng, nếu có phương pháp cải tạo và sử dụng hợp lý thì đây sẽ là phần diện tích tiềm năng để đưa vào sử dụng.



Biểu đồ 1. Cơ cấu sử dụng đất đai huyện Cẩm Khê 2019.

Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Khê, 2020.

3.2. Kết quả thực hiện dồn điền đổi thửa của huyện Cẩm Khê

Triển khai các văn bản chỉ đạo của tỉnh, ngày 10/4/2018, Ban thường vụ Huyện ủy Cẩm Khê ban hành Nghị quyết số 54/NQ-HU về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác dồn đổi

tích tụ, tập trung đất đai, phát triển SXNN trên địa bàn huyện Cẩm Khê đến năm 2020 [8]. Thực hiện Nghị quyết, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 480/KH-UBND ngày 23/4/2018 về việc chỉ đạo dồn đổi tích tụ, tập trung đất nông nghiệp trên địa bàn các xã năm 2018 [8]. Toàn huyện Cẩm Khê có 31 xã, thị trấn có đất SXNN, giai đoạn 1 thực hiện 4 xã/31 xã (đạt 12,9%) gồm Phùng Xá, Phương Xá, Đồng Cam, Tình Cương. Đây là các xã có địa bàn bằng phẳng, dễ thực hiện DĐĐT, diện tích đất trồng lúa và chuyên màu nhiều nhất huyện (từ 90,31 ha ở xã Phương Xá, đến 140,6 ha ở xã Đồng Cam); tổng diện tích đã DĐĐT là 503,41 ha/5.367,74 ha (đạt 9,38%) của 42 khu, 2.957 hộ [10].

Số liệu tại Bảng 1 cho thấy sau DĐĐT, bình quân quy mô diện tích/ thửa tăng từ 304m² lên 1.133m² và giảm số thửa/hộ từ 5,8 thửa xuống còn 1,5 thửa. Trước DĐĐT, hộ có số thửa ít nhất là 3,5 và nhiều nhất là 6,6 thửa, sau khi DĐĐT bình quân số thửa trên hộ từ 1-2,2 thửa, diện tích dao động từ 899 -1.358m² (Bảng 2).

Bảng 1. Kết quả thực hiện DĐĐT đất SXNN tại huyện Cẩm Khê

Các chỉ tiêu	Trước DĐĐT	Sau DĐĐT	So sánh trước và sau DĐĐT
1. Tổng số thửa (thửa)	17,111	4,489	-12,622
2. Bình quân thửa/hộ (thửa/hộ)	5,8	1,5	-4,3
3. Bình quân diện tích/thửa (m ² /thửa)	304	1.133	829

Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Khê, 2019.

Bảng 2. Thực trạng đất nông nghiệp trước và sau DĐĐT tại huyện Cẩm Khê

Chỉ tiêu	Phùng Xá		Phương Xá		Đồng Cam		Tình Cương	
	Trước DĐĐT	Sau DĐĐT	Trước DĐĐT	Sau DĐĐT	Trước DĐĐT	Sau DĐĐT	Trước DĐĐT	Sau DĐĐT
1. Đất nông nghiệp (ha)	134,35	128,15	90,31	87,31	140,6	136,45	138,2	134,3
2. Số hộ được chia (hộ)	899	899	707	707	660	660	691	691
3. Số thửa (thửa)	5,370	1,284	2,501	707	4,677	1,005	4,563	1,493
4. Diện tích BQ/thửa (m ²)	250	998	361	1,235	301	1,358	303	899
5. Số thửa BQ/hộ (thửa)	6,0	1,4	3,5	1,0	7,1	1,5	6,6	2,2

Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Khê, 2019.

Ngoài ra, sau khi DĐĐT, các xã đều kết hợp tiến hành quy hoạch, xây dựng hệ thống giao thông và thủy lợi nội đồng đáp ứng yêu cầu SXNN. Ngoài phần diện tích đất giao thông và thủy lợi nội đồng đã có, các xã vận động các

hộ gia đình tạo đồng thuận trong việc góp một phần diện tích đất để mở rộng hơn hệ thống hạ tầng nội đồng. Đây cũng là nguyên nhân giải thích tại sao diện tích đất nông nghiệp sau DĐĐT lại giảm đi so với trước.

Bảng 3. Diện tích đất giao thông, thủy lợi nội đồng trước và sau DĐĐT
Đơn vị tính: ha

Loại đất	Xã	Trước DĐĐT	Sau DĐĐT	So sánh trước và Sau DĐĐT
Giao thông	Phùng xá	4,96	8,09	3,13
	Phuong Xá	5,3	6,92	1,62
	Đồng Cam	5,12	7,31	2,19
	Tình Cương	5,58	8,25	2,67
Thủy lợi	Phùng xá	3,15	5,02	1,87
	Phuong Xá	3,17	4,55	1,38
	Đồng Cam	2,78	4,71	1,93
	Tình Cương	3,92	5,15	1,23

Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Khê, 2019.

Qua phỏng vấn sâu các cán bộ quản lý tại huyện Cẩm Khê cho thấy trong công tác quản lý và thực hiện DĐĐT vẫn còn gặp một số khó khăn nhất định về bố trí vốn cho công tác DĐĐT, còn lúng túng trong khâu triển khai, sự phối hợp giữa chính quyền và người dân còn hạn chế. Kết quả đạt được sau DĐĐT cho thấy: i) Hệ thống giao thông nội đồng được mở rộng và làm mới theo hướng bê tông hóa là 55,5km với mặt đường rộng từ 2-4,5m để phục vụ sản xuất và đi lại của người dân, đặc biệt là để cho một số loại xe cơ giới phục vụ sản xuất, diện tích được lấy đất mở rộng thêm là 9,61 ha (Bảng 3); và ii) Số km kênh mương được tu bổ, làm mới là 46,5km, diện tích đất mở rộng kênh mương là 6,41 ha. Hệ thống kênh mương được quy hoạch, điều chỉnh lại hợp lý, thuận tiện hơn trong việc phục vụ nhu cầu tưới tiêu nước trên đồng ruộng. Như vậy, có thể khẳng định công tác DĐĐT trên địa bàn 4 xã bước đầu đem lại kết quả khả quan, tuân thủ kế hoạch của huyện Cẩm Khê đã phê duyệt.

Tuy nhiên, công tác này vẫn tồn tại một số hạn chế sau: Còn lúng túng trong khâu thực hiện, vai trò của công tác quản lý chưa cao; Công tác DĐĐT còn dè chừng, chưa chủ động tìm giải pháp thực hiện cho các giai đoạn tiếp theo, toàn huyện Cẩm Khê có 31 xã, thị trấn có đất SXNN, giai đoạn 1 thực hiện 4 xã/31 xã (đạt 12,9%) là Phùng Xá, Phuong Xá, Đồng Cam, Tình Cương; Hệ thống đường giao thông nội đồng và kênh mương chưa được bê tông hóa do thiếu kinh phí.

3.3. Hiệu quả sản xuất đất nông nghiệp trước và sau dồn điền đổi thửa của các hộ dân tại huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

* Hiệu quả kinh tế sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

Hiệu quả kinh tế của các kiểu sử dụng đất được tính toán trên cơ sở điều tra nông hộ năm 2020. Kết quả nghiên cứu cho thấy trên địa bàn huyện Cẩm Khê có 4 loại hình sử dụng đất (LUT) với 13 kiểu sử dụng đất. Sau DĐĐT, các LUT và kiểu sử dụng đất vẫn được tiếp tục duy trì nhưng cho thấy hiệu quả kinh tế được tăng đáng kể. Cụ thể, sắp xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp: LUT chuyên rau; tiếp theo là LUT chuyên màu; LUT chuyên lúa - màu và thấp nhất là LUT chuyên lúa (Bảng 4). Sở dĩ hiệu quả kinh tế của LUT chuyên lúa thấp là do hầu hết diện tích đất của LUT này đều thuộc vùng trung, người dân chỉ canh tác được 2 vụ. Trong 4 LUT được điều tra, đánh giá thì LUT4 với kiểu sử dụng đất chuyên rau thu được hiệu quả kinh tế cao nhất với GTGT hơn 290 triệu đồng/ha/năm.

* Hiệu quả xã hội của sử dụng đất sản xuất nông nghiệp

Điều dễ nhận thấy nhất về hiệu quả xã hội của DĐĐT đó là giảm bớt được ngày công lao động (giảm ít nhất là 56 công/ha đối với loại hình chuyên lúa và cao nhất là 115 công đối với loại hình 2 lúa - màu) và tăng giá trị ngày công của lao động (trung bình giá trị ngày công tăng so với trước khi DĐĐT từ 33 nghìn đồng đến 79 nghìn đồng). Nguyên nhân giảm số công lao động là do các hộ tiết kiệm được thời gian đi

chuyên, năng suất lao động tăng lên, áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất dễ dàng hơn,... Việc giảm được số lao động/ha sẽ đem lại nhiều cơ hội hơn cho các hộ dân, nhất là chuyển dịch lao

động sang các ngành nghề phi nông nghiệp - một xu hướng phổ biến hiện nay ở khu vực nông thôn và đóng góp rất lớn trong cơ cấu thu nhập của hộ (Bảng 5).

Bảng 4. Hiệu quả kinh tế một số loại sử dụng đất

Kiểu sử dụng đất	GTSX		GTGT		So sánh	
	Trước ĐĐĐT	Sau ĐĐĐT	Trước ĐĐĐT	Sau ĐĐĐT	GTSX	GTGT
	1.000đ/ha/năm				(+, -)	
LUT1: Chuyên lúa (Lúa Xuân -Lúa mùa)	127,927	144,734	65,811	76,845	16,807	11,034
LUT2: 2 lúa màu	244,533	270,820	159,893	178,670	26,287	18,777
Lúa xuân - Lúa Mùa - Ngô	174,597	195,155	98,366	111,755	20,557	13,388
Lúa xuân - Lúa Mùa - Khoai lang	197,377	228,768	120,494	144,112	31,391	23,618
Lúa xuân - Lúa Mùa - Dưa chuột	259,743	290,579	170,294	194,357	30,836	24,063
Lúa xuân - Lúa Mùa - Bắp cải	277,939	303,080	189,870	207,238	25,141	17,368
Lúa xuân - Lúa Mùa - Su hào	283,495	310,025	195,909	214,666	26,530	18,757
Lúa xuân - Lúa Mùa - Cà chua	276,689	302,246	187,738	205,722	25,558	17,985
Lúa xuân - Lúa Mùa - Bí xanh	254,326	280,856	164,440	183,497	26,530	19,057
Lúa xuân - Lúa Mùa - Bí đỏ	232,102	255,854	152,036	168,015	23,752	15,979
LUT3: Chuyên màu	241,825	262,336	186,581	203,397	20,511	16,816
Ngô Xuân - Ngô Đông	93,341	100,841	65,111	69,819	7,501	4,709
Dưa chuột - Ngô - Bắp Cải	304,886	332,388	235,668	259,074	27,502	23,406
Dưa chuột - Ngô - Bí Xanh	327,248	353,778	258,965	281,299	26,530	22,334
LUT4: Chuyên rau	338,360	368,780	265,325	292,745	30,419	27,419

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra 2020.

Bên cạnh đó, sau ĐĐĐT còn giảm tranh chấp hay xích mích giữa các hộ nông dân, do ranh giới được phân định rõ ràng thông qua việc cứng hóa các bờ ngăn. Người dân thực sự yên tâm sản xuất trên những mảnh ruộng của mình, từ đó thúc đẩy đầu tư, phát triển SXNN, ứng dụng tiến bộ khoa học, liên kết trong sản xuất, phát triển sản xuất hàng hóa,... góp phần nâng cao thu nhập, kinh tế của mỗi hộ gia đình và thực hiện mục tiêu xây dựng Nông thôn mới của địa phương.

Ngoài giá trị kinh tế như phân tích nêu trên, việc sử dụng đất nông nghiệp còn tác động đến hiệu quả xã hội của các địa phương, trước hết là giải quyết việc làm cho lao động địa phương. Hiệu quả xã hội được đánh giá thông qua mức

độ thu hút lao động, giá trị sản xuất và giá trị gia tăng của ngày công lao động cũng như một số chỉ tiêu định tính đối với từng LUT và khả năng tiêu thụ sản phẩm.

* Ý kiến đánh giá của người dân về công tác ĐĐĐT

Để có thêm góc nhìn về hiệu quả và tác động của ĐĐĐT, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát 200 hộ trên địa bàn 4 xã. Kết quả được trình bày ở Bảng 6, cho thấy: 100% số hộ được hỏi đều đồng ý với phương án ĐĐĐT; 100% số hộ cho rằng giao thông, thủy lợi nội đồng tốt hơn, hộ bỏ ít công và thời gian lao động hơn so với trước khi ĐĐĐT; 89,5% số hộ trả lời là họ đã áp dụng cơ giới trong SXNN sau ĐĐĐT; 88% ý

kiến cho rằng năng suất được tăng lên và giữ nguyên 13%,...

Tuy nhiên, có 64,5% hộ cho rằng việc cấp giấy chứng nhận còn chậm, nhiều hộ chưa được nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau hơn 1 năm hoàn thành DĐĐT, dẫn đến tâm lý không yên tâm; 9% số hộ cho rằng sau DĐĐT năng suất giảm đi, nguyên nhân là do gặp phải rủi ro trong sản xuất (chủ yếu là sâu bệnh và

thời tiết khí hậu); có ý kiến cho rằng việc sản xuất ở nhiều thửa ruộng khác nhau sẽ phân tán được rủi ro và mức độ rủi ro sẽ thấp hơn so với việc chỉ có 1 thửa như hiện nay. Trong khi đó, có đến 13% số hộ cho rằng do các yêu cầu kỹ thuật về giống, quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch không thay đổi nên sau DĐĐT năng suất vẫn giữ nguyên. Đây là những vấn đề cần quan tâm và có giải pháp trong thời gian tới.

Bảng 5. Công lao động và giá trị ngày công lao động một số loại sử dụng đất

Kiểu sử dụng đất	Công LĐ		GTNC		So sánh	
	Trước DĐĐT	Sau DĐĐT	Trước DĐĐT	Sau DĐĐT	Công/ha	GTNC
	công/ha		1000đ/công		(+, -)	
LUT1: Chuyên lúa (Lúa Xuân - Lúa mùa)	333	278	197	277	-56	79
LUT2: 2 lúa màu	841	726	246	319	-115	74
Lúa xuân - Lúa Mùa - Ngô	556	472	177	237	-83	60
Lúa xuân - Lúa Mùa - Khoai lang	583	500	207	288	-83	82
Lúa xuân - Lúa Mùa - Dưa chuột	778	695	219	280	-83	61
Lúa xuân - Lúa Mùa - Bắp cải	833	695	228	298	-139	71
Lúa xuân - Lúa Mùa - Su hào	833	695	235	309	-139	74
Lúa xuân - Lúa Mùa - Cà chua	806	720	233	286	-86	53
Lúa xuân - Lúa Mùa - Bí xanh	750	667	219	275	-83	56
Lúa xuân - Lúa Mùa - Bí đỏ	750	639	203	263	-111	60
LUT3: Chuyên màu	889	806	197	237	-83	40
Ngô Xuân - Ngô Đông	444	389	146	180	-56	33
Dưa chuột - Ngô - Bắp Cải	1,083	1,000	218	259	-83	42
Dưa chuột - Ngô - Bí Xanh	1,139	1,028	227	274	-111	46
LUT4: Chuyên rau	1,292	1,208	205	242	-83	37

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2020.

Bảng 6. Ý kiến của người dân về tác động của DĐĐT

Nội dung phỏng vấn	Số hộ (hộ)	Tỷ lệ (%)
1. Đồng ý với phương án DĐĐT		
- Đồng ý	200	100,0
- Không đồng ý	0	0
2. Giao thông, thủy lợi nội đồng sau DĐĐT		
- Tốt hơn	200	100,0
- Như cũ	0	0
- Kém hơn	0	0
3. Công lao động và thời gian lao động nông nghiệp sau DĐĐT		
- Nhiều hơn	0	0
- Như cũ	0	0
- Ít hơn	200	100,0
4. Áp dụng cơ giới sau DĐĐT		
- Có	179	89,5

- Không	21	10,5
5. Tiến độ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất		
- Nhanh chóng	71	35,5
- Còn chậm	129	64,5
6. Kết quả SXNN		
- Năng suất tăng lên	156	88,0
- Năng suất giữ nguyên	26	13,0
- Năng suất giảm đi	18	9,0
7. Thị trường tiêu thụ sản phẩm		
Khó	85	42,5
Dễ	115	57,5
8. Đầu tư thâm canh tăng vụ		
- Có	156	88,0
- Không	44	22,0
9. Hỗ trợ về vốn, khoa học kỹ thuật từ các cấp chính quyền, các tổ chức		
- Có hỗ trợ	55	27,5
- Chưa hỗ trợ	145	72,5

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra 2020.

* Đánh giá chung về hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp sau DĐĐT:

i) Về hiệu quả kinh tế: Sau khi DĐĐT, người dân có điều kiện đưa cơ giới hóa và tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kích thích các dịch vụ sản xuất nông nghiệp nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích,... từng bước nâng cao đời sống nông thôn. Sau khi thay đổi phương thức sản xuất, nhiều diện tích đất trước kia chuyên trồng lúa 2 vụ, sau khi DĐĐT được người dân trồng thêm vụ đông, do đó giá trị gia tăng tạo ra trên 1 ha đất thì chuyên rau đạt cao nhất (292,745 nghìn đồng/ha), hiệu quả đồng vốn đạt 3,85 lần; tiếp đó là chuyên màu - rau màu 203,397 nghìn đồng/ha; 2 lúa màu 178,670 nghìn đồng/ha, thấp nhất là đất chuyên lúa, chỉ đạt 76.845 nghìn đồng/ha;

ii) Về hiệu quả xã hội: Sau DĐĐT đã giảm số công lao động, tiết kiệm thời gian di chuyển, năng suất lao động tăng lên, áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất dễ dàng hơn, cũng như giảm tình trạng tranh chấp, xích mích giữa các hộ nông dân, làm cho người dân yên tâm sản xuất trên những mảnh ruộng của mình. Mặt khác, công tác DĐĐT đã giúp đáp ứng được các tiêu chí xây dựng nông thôn mới như: chỉ tiêu về

giao thông, thủy lợi nội đồng; thu nhập bình quân đầu người/năm tăng lên; hiệu quả kinh tế loại hình sử dụng đất tăng; hình thức tổ chức sản xuất rau màu theo hướng hàng hóa. DĐĐT góp phần chuyển dịch cơ cấu sản xuất, thâm canh, tăng năng suất cây trồng,...

Tuy nhiên còn một số hạn chế trong sử dụng đất nông nghiệp sau DĐĐT:

- Trình độ thâm canh và khả năng đầu tư của nông hộ chưa đều. Sau DĐĐT, tại xã đã xuất hiện mô hình tập trung sản xuất hàng hóa với các loại hình sử dụng đất có hiệu quả kinh tế cao nhưng chủ yếu là tự phát. Chưa có các biện pháp tích cực để nhân rộng mô hình, chưa được ứng dụng nghiên cứu khoa học về xác định vùng chuyên canh phù hợp với từng loại đất. Người dân có nguyện vọng chuyển đổi cơ cấu cây trồng nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tuy nhiên còn thiếu nguồn vốn và sự hỗ trợ về kỹ thuật cho một số loại cây trồng mới có giá trị kinh tế cao.

- Sự hỗ trợ của các cấp chính quyền, tổ chức, các nhà khoa học và doanh nghiệp đối với hộ nông dân chưa nhiều, dẫn đến mức độ rủi ro trong sản xuất của người nông dân vẫn còn.

- Thị trường tiêu thụ nông sản còn hạn chế, giá nông sản bán ra chưa cao.

3.5. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa tại huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ

- Lập kế hoạch và đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác dồn điền đổi thửa: Hiện nay trên địa bàn huyện vẫn còn 27 xã chưa thực hiện công tác DĐĐT, do đó UBND huyện Cẩm Khê cần phải: i) Tiến hành đánh giá, tổng kết và rút kinh nghiệm trong chỉ đạo và triển khai thực hiện công tác DĐĐT tại 4 xã; ii) Lập kế hoạch tiếp tục thực hiện công tác DĐĐT tại 27 xã còn lại, kế hoạch cần phải được tính toán kỹ lưỡng, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa phương, cần tính toán đến sự tham gia của doanh nghiệp để kết hợp với sự hình thành các vùng sản xuất hàng hóa (quy mô liên xã, liên huyện), ứng dụng, chuyển giao khoa học, công nghệ; iii) Làm tốt công tác tuyên truyền, vận động cho cán bộ, người dân để nâng cao ý thức trách nhiệm, hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, hiệu quả, ... để tham gia một cách chủ động và tạo sự đồng thuận cao trong công tác DĐĐT trên địa bàn huyện; và iv) Tăng cường chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND các xã đẩy nhanh tiến độ cấp giấy chứng nhận cho người dân sau khi thực hiện xong DĐĐT, ...

- Giải pháp về hỗ trợ đầu tư kiên cố hóa hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng: Hiệu quả của DĐĐT luôn nằm trong mối tương quan với việc bám sát các yếu tố hạ tầng kỹ thuật cho sản xuất, trong đó giao thông, thủy lợi nội đồng là quan trọng nhất: i) Quy hoạch và xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng đủ năng lực đồng thời với quá trình thực hiện công tác DĐĐT; ii) Huy động và tạo đồng thuận tốt hơn trong người dân để tham gia đóng góp vào công tác này; iii) Bố trí kinh phí từ các chương trình, đề án, dự án, chính sách có liên quan để hỗ trợ, đầu tư xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng; và iv) Huy động các doanh nghiệp đầu tư, tài trợ, liên kết SXNN hàng hóa và có trách nhiệm tham gia trong việc kiên cố hóa hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng, ...

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp sau DĐĐT: Sau DĐĐT, người dân có nguyện vọng chuyển đổi cơ cấu cây trồng nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Vì vậy, chính

quyền địa phương cần có biện pháp hỗ trợ kỹ thuật trong sản xuất; có chính sách hỗ trợ vay vốn cho phát triển sản xuất hàng hóa một cách thuận tiện và kịp thời (đa dạng hóa các hình thức cho vay, huy động vốn nhân rộng trong dân, khuyến khích hình thức quỹ tín dụng trong nông thôn; ưu tiên người vay vốn để SXNN với các loại hình sử dụng đất có hiệu quả kinh tế). Thực hiện kết nối các doanh nghiệp, trung tâm dịch vụ hỗ trợ SXNN theo hướng cùng đầu tư, hoặc có thể ứng trước vật tư, giống cho nông dân, đặc biệt là các hộ nghèo để tạo điều kiện cho nông dân chăm sóc cây trồng đúng thời vụ. Làm tốt công tác tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật SXNN cho hộ, nhóm hộ; lựa chọn các mô hình sản xuất thành công, hiệu quả để nhân rộng, ...

- Giải pháp về thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Chính quyền địa phương cần nhanh chóng tìm kiếm các doanh nghiệp hợp tác SXNN, bắt đầu từ sản xuất đến tiêu thụ, chế biến nông sản, giúp nông dân có nhiều kênh tiêu thụ, nhất là các sản phẩm nông sản có tính chất mùa vụ như các loại rau, củ, quả. Cung cấp thông tin về thị trường đầu vào, đầu ra hiện tại cho người dân; có những dự báo trước cho tương lai để người dân mạnh dạn đầu tư SXNN có hiệu quả kinh tế cao. Thúc đẩy hình thành và phát triển các mô hình tổ chức hợp tác xã để có sự liên kết, hỗ trợ trong quá trình sản xuất, tiếp cận thị trường. Phát triển hệ thống chợ đầu mối và có các hình thức quảng bá thương hiệu nông sản qua cộng đồng mạng.

4. Kết luận

DĐĐT đã khắc phục được tình trạng manh mún đất đai, đồng thời nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về đất đai nói chung và tại huyện Cẩm Khê nói riêng. Kết quả nghiên cứu tại 4 xã cho thấy: i) Sau khi DĐĐT, số thửa đất SXNN/hộ giảm 5,8 thửa xuống còn 1,5 thửa; quy mô diện tích thửa tăng lên từ 304m² lên 1.133m². Đây là điều kiện quan trọng để tạo thành các vùng SXNN theo hướng hàng hóa; ii) Hiệu quả kinh tế - xã hội sau DĐĐT khá rõ rệt: Hiệu quả kinh tế của các kiểu sử dụng đất tăng từ 4 triệu đến 27 triệu đồng/ha; hiệu quả xã hội cho thấy số ngày công lao động trên 1 ha

đều giảm, giá trị ngày công lao động của người dân tăng lên, có cơ hội để dịch chuyển lao động sang phi nông nghiệp, giảm tranh chấp, xung đột trong cộng đồng, tạo tâm lý yên tâm sản xuất; thu hút đầu tư bên ngoài vào SXNN,... Tuy nhiên, công tác DĐĐT còn xuất hiện một số hạn chế, bất cập: i) Tiến độ thực hiện DĐĐT trên địa bàn huyện còn chậm, số xã triển khai thực hiện DĐĐT còn quá ít; ii) Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa kịp thời; và iii) Một số hộ sau DĐĐT gặp rủi ro trong sản xuất hơn so với trước đây.

Công tác DĐĐT là hướng đi đúng và có hiệu quả trong quản lý, sử dụng đất SXNN hiện nay. Vì vậy, trong thời gian tới, huyện Cẩm Khê cần khẩn trương thực hiện DĐĐT cho các xã còn lại. Để đạt được thành công cần chú ý các giải pháp sau: i) Lập kế hoạch và đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác DĐĐT; ii) Giải pháp về hỗ trợ đầu tư kiên cố hóa hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng; iii) Nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp sau DĐĐT; và iv) Giải pháp về thị trường tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Lời cảm ơn

Bài viết được thực hiện trong khuôn khổ đề tài cấp Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội về “Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa tại huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ”, Mã số KT.19.02, năm 2020.

Tài liệu tham khảo

- [1] Government, Decree No. 64/ND-CP Dated September 27, 1993 of the Government on the Regulations on the Allocation of Agricultural Land to Households and Individuals for Stable and Long-term use for Agricultural Export, 1993 (in Vietnamese).
- [2] Phu Tho Provincial Party Committee, Resolution No. 08-NQ/TU on the Work of Consolidation, Accumulation, and Concentration of Land for Agricultural Production Development in Phu Tho Province by 2020, 2016 (in Vietnamese).
- [3] People's Committee of Phu Tho Province, Plan No. 6118/KH-UBND dated December 30, 2016, on the Implementation of Land Consolidation, Accumulation, and Concentration of Land for Agricultural Production Development in the Province by 2020, 2016 (in Vietnamese).
- [4] Department of Natural Resources and Environment, Guideline No. 2044/HD-TNMT dated October 12, 2017, on the Order and Content of Implementing the Work of Land Consolidation, Land Accumulation, and Concentration (in Vietnamese).
- [5] People's Committee of Cam Khe District, Report on Land Area Statistics and Inventory in 2019, 2020 (in Vietnamese).
- [6] Ministry of Agriculture and Rural Development, Agricultural Land Use Manual, Land Assessment Classification, Science and Technology Publishing House, Hanoi, Vol. 2, 2020, pp. 106 (in Vietnamese).
- [7] Cam Khe District Party Committee, Resolution 54 / NQ-HU of the Supervisory Board of Cam Khe District Party Committee dated April 10, 2018, on Strengthening Leadership, Directing the Work of Accumulation and Concentration Land, Development of Agricultural Production in the Area of Cam Khe District Until 2020, 2018 (in Vietnamese).
- [8] People's Committee of Cam Khe District, Plan No. 480 / KH-UBND dated April 23, 2018, on Directing the Accumulation and Concentration of Agricultural Land in Communes and Communes in 2018, 2018 (in Vietnamese).
- [9] Cam Khe Department of Natural Resources and Environment, Report on Land Consolidation Work in Cam Khe District, Phase 1, 2018, 2019 (in Vietnamese).